

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HS-ST
Ngày 06- 3- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Nhân.

Bà Trần Thị Hoàng Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Khánh. Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Minh. Là Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1986 tại Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: ấp 5, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D và bà Trương Thị H; vợ: Trần Ngọc Đ; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt từ ngày 06/11/2017 đến ngày 18/01/2018 cho bảo lãnh tại ngoại đến nay.

- Bị hại: Em Cao Thị Cẩm D, sinh ngày 04/8/2002.

Địa chỉ: ấp 3, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp 3, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Là mẹ ruột của em Duyên. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Trần Ngọc Đ, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp 5, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

1. Bà Trương Thị Thanh T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: khu vực 4, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Là người làm chứng. Có mặt.

2. Chị Cao Thị Thu L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp 3, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Là người làm chứng. Có mặt.

3. Anh Bùi Văn T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp 3, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Là người làm chứng. Có mặt.

4. Ông Bùi Văn T, sinh năm 1955.

Địa chỉ: ấp 3, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Là người làm chứng. Vắng mặt.

5. Anh Bùi Văn M, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp 3, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Là người làm chứng. Vắng mặt.

6. Ông Bùi Văn T, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp 3, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Là người làm chứng. Vắng mặt.

7. Anh Bùi Thanh L, sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp 3, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Là người làm chứng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Văn T và Cao Thị Cẩm D, sinh ngày 04/8/2002 là hàng xóm với nhau. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 27/8/2017, T và D hẹn gặp nhau rồi đến thuê phòng số 12 nhà trọ Kim Ngân thuộc khu vực 4, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (do bà Trương Thị Thanh Th làm chủ) để nghỉ. Sau khi nhận phòng, cả hai cùng nằm trên giường nói chuyện, được khoảng 05 phút T ôm hôn, cởi quần áo của D ra và giao cấu (quan hệ tình dục) với D. Do không thấy D ở nhà, bà Bùi Thị N và thân nhân gia đình đi tìm D. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, bà Th (chủ nhà trọ) thấy nhiều người đi tìm D nên đến trước cửa phòng số 12 nói với T và

D là có người nhà đến kiểm. Thuận lấy xe mô tô chạy ra cửa trước còn D dắt xe đạp đi ra cửa sau và gặp mọi người đang tìm. Lúc này bà N và L có hỏi D “Nó có làm gì mày chưa” thì D trả lời “rồi!”. Sau đó, cả nhóm tiếp tục đi tìm T. Khi đến quán Duy Khang (quán Cây Bàng) thuộc phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang thì thấy T đang ngồi uống nước nên cùng vào nói chuyện với Ta. Lúc này, giữa T và Bùi Văn Ta xảy ra giằng co với nhau, Ta có dùng nón bảo hiểm đánh nhiều cái vào đầu và mặt của T làm chảy máu. Sau đó, bà N đến cơ quan Công an trình báo sự việc. Quá trình điều tra bị cáo T và em D khai nhận trước đó khoảng bảy ngày vào ngày chủ nhật (không nhớ rõ ngày tháng nào) T và D có quan hệ tình dục 01 lần tại phòng số 02 nhà trọ Quyên Khang thuộc khu vực 4, phường VII, thành phố Vị Thanh. Cả lần 02 lần quan hệ tình dục đều do hai bên tự nguyện.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục số: 38/TD ngày 06/10/2017 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế tỉnh Hậu Giang kết luận: Màng trinh của Cao Thị Cẩm D bị rách cũ vị trí 03 giờ, 06 giờ, 09 giờ; toàn thân không thương tích.

Tại bản kết luận giám định số: 3257/C54B của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Trong dịch âm đạo ghi thu của Cao Thị Cẩm D có tinh trùng người. Phân tích ADN từ tế bào tinh trùng này được kiểu gen hoàn chỉnh của một nam giới và trùng với kiểu gen của Trần Văn T.

Đối với thương tích của bị cáo T do bị anh Ta đánh, Thuận đã từ chối giám định thương tật và yêu cầu không xử lý hình sự đối với người gây thương tích nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vị Thanh không xem xét xử lý và tách phần gây thương tích để xử lý hành chính theo quy định của pháp luật.

Sau khi sự việc xảy ra ngày 08/9/2017, gia đình bị cáo T (bà Trần Ngọc Đ, vợ bị cáo) đã thỏa thuận khắc phục hậu quả cho em Cao Thị Cẩm D số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Đại diện gia đình em D (bà Bùi Thị N, mẹ em D) đã nhận và đã làm đơn xin bãi nại cho bị cáo T.

Tại bản Cáo trạng số: 02/QĐ-KSĐT ngày 19/01/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh truy tố bị cáo Trần Văn T về tội Giao cấu với trẻ em theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên Cáo trạng truy tố đề nghị:

Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 115; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Bị cáo Trần Văn T từ 01 (một) đến 02 (hai) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị không xem xét, do không có yêu cầu.

Phát biểu tự bào chữa bị cáo Trần Văn T: thừa nhận hành vi của mình là phạm tội, xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Phát biểu tại phiên tòa bị hại và đại diện bị hại: thống nhất với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Về trách nhiệm hình sự đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật; Về trách nhiệm bồi thường dân sự gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền 50.000.000 đồng, bà N đã nhận xong, nay không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Phát biểu tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Ngọc Đ: xác định trước đây có đại diện cho bị cáo bồi thường số tiền 50.000.000 đồng cho bị hại, nay không yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vị Thanh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, đại diện bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như Bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Xét, lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, sơ đồ hiện trường vụ án. Tất cả phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào các chứng cứ này và kết luận giám định pháp y về tình dục và kết quả phân tích ADN về tình trùng của cơ quan chuyên môn, đối chiếu với quy định tại Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999. Tòa có đủ cơ sở kết luận: trong ngày 20/8/2017 tại nhà trọ Quyên Khang và 27/8/2017 tại nhà trọ Kim Ngân cùng thuộc khu vực 4, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang bị cáo Trần Văn T đã hai lần có hành vi giao cấu với em Cao Thị Cẩm D. Do đó, bị cáo đã phạm tội Giao cấu với trẻ em, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của trẻ em được pháp luật bảo vệ. Bị cáo Trần Văn T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nên bản thân nhận thức hành vi quan hệ tình dục của mình đối với em D là vi phạm pháp luật, là phạm tội. Nhưng bị cáo đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết của em D, (tuổi còn nhỏ, tính tình bông bột, nhận thức và hiểu biết về sinh lý còn non nớt, chưa làm chủ được hành vi khi bị rủ rê, lôi kéo để quan hệ tình dục), nhằm mục đích thỏa mãn

dục vọng của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo để lại hậu quả là làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của trẻ em. Gây dư luận không tốt tại địa phương; làm ảnh hưởng trực tiếp đến hạnh phúc gia đình bị cáo. Nên hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa loại tội phạm này tại địa phương.

[4]. Về nhân thân. Bị cáo T là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tính tới thời điểm phạm tội chưa vi phạm pháp luật tại địa phương, mới phạm tội lần đầu.

[5]. Tình tiết tăng nặng. Bị cáo phạm tội trong trường hợp nhiều lần, nên phải chịu tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt.

[6]. Tình tiết giảm nhẹ. Sau khi phạm tội, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, được giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo có tác động gia đình thỏa thuận bồi thường khắc phục hậu quả, được giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra xét thấy sau khi sự việc xảy ra, đại diện bị hại bà Bùi Thị N có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên cho bị cáo được giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt.

[7]. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xét nhân thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, sau khi phạm tội có tác động gia đình bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả, nên Tòa xem xét áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự xử dưới mức hình phạt cho bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: quá trình điều tra gia đình bị cáo do chị Trần Ngọc Đ đại diện đã thỏa thuận với gia đình bị hại do bà Bùi Thị N đại diện bồi thường cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng. Bà N đã nhận xong, tại phiên tòa bà N không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Tòa không xem xét.

[9]. Về án phí: buộc bị cáo Trần Văn T chịu theo quy định của pháp luật.

[10]. Về phát biểu luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: xét, đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, các vấn đề khác là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội Giao cấu với trẻ em.

Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 115; điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày chấp hành án. Bị cáo T được khấu trừ thời hạn đã bị tạm giam trước đó từ ngày 06/11/2017 đến ngày 18/01/2018 khi thi hành án.

Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

Buộc bị cáo Trần Văn T chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hoàng Dung; Trần Thanh Nhân

Võ Thái Sơn